



**TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP**

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 22/10/2020)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	18.000
2	Xà lách búp	68.000
3	Cải bắp tròn	14.000
4	Cải ngọt	20.000
5	Cải bẹ xanh	27.000
6	Rau muống nước	27.000
7	Rau muống hạt	13.000
8	Cải thìa	18.000
9	Rau quế	43.000
10	Bầu	23.000
11	Su su	9.000
12	Khoai lang bí	9.000
13	Cà chua	20.000
14	Bông cải xanh	38.000
15	Cà rốt	22.000
16	Củ cải trắng	5.000
17	Su hào	16.000
18	Đậu hà lan	100.000
19	Đậu cove trắng	26.000
20	Khoai tây hồng	33.000
21	Bí đỏ	15.000
22	Bí xanh	23.000
23	Khổ qua	26.000
24	Dưa leo	10.000
25	Đậu bắp	21.000

26	Cà tím	13.000
27	Ốt cay Batri	53.000
28	Chanh giấy	28.000
29	Tỏi	90.000
30	Hành lá (hành hương)	34.000
31	Ngò rí	28.000
32	Rau dền	16.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	15.000
2	Cam xoan	30.000
3	Quýt đường	23.000
4	Quýt tiêu	30.000
5	Bưởi da xanh	33.000
6	Bưởi năm roi	20.000
7	Xoài Đài Loan	13.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	75.000
9	Xoài ghép	9.000
10	Xoài cát chu	9.000
12	Dưa hấu dài đỏ	23.000
13	Dưa hấu sọc	9.000
15	Thanh Long Bình Thuận	17.000
16	Thanh Long Long An	0
17	Đu đủ	26.000
18	Chôm chôm thái	45.000
19	Chôm chôm nhãn	28.000
20	Mãng cầu tròn	0
21	Nhãn huế	28.000
22	Nhãn xuống	43.000
23	Lồng mứt	0